

Số: /2025/NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022; Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương năm 2023 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách và Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 và Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày/.../2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022; Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 ban hành Quy định phân cấp nguồn thu,

nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương năm 2023 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách và Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 và Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố; Báo cáo thẩm tra số/BC-KTNS ngày .../.../2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố về việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022; Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương năm 2023 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách và Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 và Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố; Ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố), cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 2, Điều 2 như sau:

“b) Ủy ban nhân dân **các cấp** trên địa bàn thành phố Hải Phòng.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 1 như sau:

“b) Tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã và loại đơn vị hành chính **cấp xã** (loại I, loại II, loại III). Phân loại đơn vị hành chính cấp xã được xác định trên quy mô dân số, diện tích tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế xã hội và các yếu tố đặc thù theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính (**được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.**)”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c, khoản 2 như sau:

“c) Định mức phân bổ chi thường xuyên đối với ngân sách cấp xã trong các lĩnh vực: Chi quản lý hành chính; chi thường xuyên hoạt động sự nghiệp: Giáo dục, y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình, trẻ em, văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao, phát thanh - truyền thanh, đảm bảo xã hội, kinh tế, bảo vệ môi trường và quốc phòng - an ninh.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 2 Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố), cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung tiết b4, điểm b, khoản 1, Điều 1 như sau:

“b4) Chi hỗ trợ để đảm bảo bổ sung thu nhập tăng thêm đối với các Văn phòng: Văn phòng Thành ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phổ thực hiện theo quy định hiện hành.”

2. Sửa đổi tên Chương II thành “Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương các cấp trên địa bàn thành phố”.

3. Bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Đối với các nội dung, nhiệm vụ chi được cấp có thẩm quyền điều chỉnh theo phân cấp giữa các cấp ngân sách, được áp dụng ổn định định mức chi theo quy định tại Quy định này và dự toán cấp có thẩm quyền giao theo quy định.”

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương năm 2023 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 3 Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố), cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 2 như sau:

“2. Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng.”

2. Bãi bỏ Điều 4, Điều 12 và sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Thuế tài nguyên (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) từ các doanh nghiệp nhà nước Trung ương và địa phương,

doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; thu từ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức, cá nhân.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Lệ phí môn bài thu từ: các doanh nghiệp nhà nước Trung ương và địa phương; các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức (không kể lệ phí môn bài của các cá nhân, hộ sản xuất kinh doanh)”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 11 như sau:

“11. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước thuộc thành phố quản lý thực hiện, trường hợp được cấp có thẩm quyền cho khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật.”

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 18 như sau:

“18. Các khoản thu tiền sử dụng đất trên địa bàn thành phố.”

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 19 như sau:

“19. Các khoản thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn thành phố.”

e) Bổ sung khoản 22 như sau:

“22. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (không kể thuế sử dụng đất phi nông nghiệp do cấp xã quản lý hoặc được ủy quyền thu).”

g) Bổ sung khoản 23 như sau:

“23. Lệ phí trước bạ (không kể lệ phí trước bạ nhà đất của các cá nhân và hộ gia đình).”

3. Đổi tên Điều 5 thành Điều 4 và sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 4. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%”

1. Lệ phí môn bài của các cá nhân, hộ sản xuất kinh doanh.

2. Lệ phí trước bạ nhà đất của các cá nhân và hộ gia đình.

3. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ thuộc **cấp xã** quản lý thực hiện, trường hợp được cấp có thẩm quyền cho khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ.

4. Lệ phí do cấp xã quản lý thực hiện thu.
5. Các khoản xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác phân nộp ngân sách theo quy định của pháp luật do cấp xã quyết định xử lý.
6. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp do cấp xã quản lý hoặc được ủy quyền thu.
7. Huy động, đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp xã.
8. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác.
9. Thu kết dư ngân sách cấp xã (phần đưa vào thu ngân sách năm sau).
10. Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang.
11. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên.
12. Thu từ bán tài sản nhà nước (tài sản công) theo phân cấp của thành phố.
13. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp xã xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.
14. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.”

4. Bãi bỏ Điều 7, Điều 8, đổi tên Điều 6 thành Điều 5 và sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 5. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách Trung ương - ngân sách thành phố

1. Thuế giá trị gia tăng (không kể thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) của các doanh nghiệp nhà nước Trung ương và địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn; các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức, cá nhân (không kể các khoản phân chia ngân sách cấp xã tại Điều 6); các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí.

2. Thuế thu nhập doanh nghiệp (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) của các doanh nghiệp nhà nước Trung ương và địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn; các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức, cá nhân (không kể các khoản phân chia ngân sách cấp xã tại Điều 6); các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí.

3. Thuế thu nhập cá nhân.

4. Thuế tiêu thụ đặc biệt (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa nhập khẩu, bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước).

5. Thuế bảo vệ môi trường (không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu). ”

5. Bãi bỏ Điều 9, Điều 11, đổi tên Điều 10 thành Điều 6 và sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 6. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách Trung ương - ngân sách thành phố - ngân sách cấp xã”

1. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và tổ chức do cấp xã tổ chức thu trên địa bàn cấp xã.

2. Thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước của các cá nhân, hộ sản xuất kinh doanh tổ chức thu trên địa bàn cấp xã.”

6. Đổi tên Điều 13 thành Điều 7 và sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 7. Phân cấp, phân chia khoản thu tiền chậm nộp”

1. Đối với khoản thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng và được hạch toán riêng từng tiểu mục theo quy định hệ thống mục lục ngân sách nhà nước: Thực hiện phân cấp, phân chia theo khoản thu phát sinh tiền chậm nộp được quy định từ Điều 3 đến **Điều 6** và **Điều 12** Quy định này.

2. Đối với khoản thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng nhưng không được hạch toán riêng theo từng khoản thu:

Tiền chậm nộp các khoản: Lệ phí môn bài; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; thu tiền sử dụng đất; thu tiền cho thuê đất, mặt nước (không kể tiền thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí); thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; lệ phí trước bạ; thu từ bán tài sản thuộc sở hữu nhà nước; phí bảo vệ môi trường (đối với nước thải, đối với khí thải, đối với khai thác khoáng sản); phí, lệ phí do các cơ quan đơn vị thuộc địa phương tổ chức thu (không kể lệ phí môn bài, lệ phí trước bạ, phí bảo vệ môi trường); thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật (phần thuộc ngân sách nhà nước theo quy định); thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý; thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác; thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa; các khoản thu khác ngân sách địa phương: Thực hiện phân cấp và phân chia theo nguyên tắc số thu tiền

chậm nộp từ người nộp với với cấp nào quản lý thì ngân sách cấp đó hưởng 100% (cấp tỉnh quản lý thu thì ngân sách thành phố hưởng 100%, cấp xã quản lý thu thì **ngân sách cấp xã** hưởng 100%).

3. Các khoản thu tiền chậm nộp do đơn vị thuộc cấp Trung ương quản lý nộp ngân sách nhưng địa phương được hưởng: Ngân sách thành phố hưởng 100%.”

7. Đổi tên Điều 14 thành Điều 8 và sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 8. Nhiệm vụ chi của ngân sách thành phố

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án theo các lĩnh vực do thành phố quản lý.

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của thành phố theo quy định của pháp luật; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp do thành phố quản lý theo quy định của pháp luật.

c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác do thành phố quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố quản lý trong các lĩnh vực:

a) Sự nghiệp giáo dục: Gồm các trường trung học phổ thông, các trường chuyên biệt, các trường mầm non do thành phố quản lý và sự nghiệp giáo dục khác.

b) Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề do thành phố quản lý.

c) Sự nghiệp khoa học và công nghệ.

d) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy, chữa cháy phân giao cho thành phố quản lý.

đ) Sự nghiệp y tế, dân số và kế hoạch hóa gia đình (bao gồm cả các Bệnh viện đa khoa tuyến huyện, Trung tâm y tế).

e) Sự nghiệp văn hóa thông tin do thành phố quản lý.

g) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình do thành phố quản lý.

h) Sự nghiệp thể dục thể thao do thành phố quản lý.

i) Sự nghiệp bảo vệ môi trường do thành phố quản lý.

k) Các hoạt động kinh tế: Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản; giao thông; tài nguyên; quy hoạch; thương mại, du lịch; hoạt động kiến thiết thị chính; các hoạt động kinh tế khác do thành phố quản lý.

l) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; các tổ chức chính trị - xã hội do thành phố quản lý.

m) Hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở địa phương theo quy định của pháp luật do thành phố quản lý.

n) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật do thành phố quản lý.

o) Các khoản chi thường xuyên khác do thành phố quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do chính quyền thành phố vay.

4. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính của ngân sách thành phố.

5. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho **ngân sách cấp dưới**.

6. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách thành phố.

7. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 9, Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.”

8. Bãi bỏ Điều 15, đổi tên Điều 16 thành Điều 9 và sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 9. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển: Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội **do cấp xã quản lý**:

a) Đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án theo các lĩnh vực **do cấp xã quản lý**.

b) Các khoản chi đầu tư phát triển khác **do cấp xã quản lý** theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên **của cấp xã quản lý** trong các lĩnh vực:

a) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; các tổ chức chính trị - xã hội **do cấp xã quản lý**.

b) Các khoản chi phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố.

c) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật do cấp xã quản lý.

d) Các hoạt động kinh tế: Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản; giao thông; tài nguyên; quy hoạch (theo quy định của Luật quy hoạch); thương mại, du lịch; hoạt động kiến thiết thị chính; các hoạt động kinh tế khác do cấp xã quản lý.

đ) Sự nghiệp bảo vệ môi trường do cấp xã quản lý.

e) Sự nghiệp thể dục thể thao do cấp xã quản lý.

g) Sự nghiệp phát thanh, truyền thanh do cấp xã quản lý.

h) Sự nghiệp văn hóa thông tin do cấp xã quản lý.

i) Sự nghiệp giáo dục: Bao gồm chi thường xuyên và tăng cường cơ sở vật chất ở các cấp học: trung học cơ sở, tiểu học, mầm non do cấp xã quản lý và sự nghiệp giáo dục khác; Hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo trên địa bàn.

k) Chi hoạt động sự nghiệp y tế, dân số và kế hoạch hóa gia đình do cấp xã quản lý (bao gồm cả Trạm y tế; hoạt động y tế khác).

l) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy, chữa cháy (Công tác dân quân tự vệ và trật tự, an toàn xã hội ở cấp xã).

m) Hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật.

n) Các khoản chi thường xuyên khác do cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật.

o) Chi cho nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ (không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ).

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp xã.

4. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 9, Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.”

9. Đổi tên Điều 17 thành Điều 10 và sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 10.** Hết năm ngân sách, trường hợp có tăng thu, trên cơ sở báo cáo kết quả thực hiện thu ngân sách năm của các địa phương (có xác nhận của Kho bạc nhà nước), việc thưởng tăng thu so với dự toán từ các khoản thu phân chia

giữa ngân sách thành phố và **ngân sách cấp dưới** phần ngân sách thành phố được hưởng thực hiện theo nguyên tắc:

1. Mức thưởng cho các địa phương có tăng thu được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số vượt thu nhưng không quá 30% của số tăng thu phần ngân sách thành phố được hưởng và không vượt quá số tăng thu so với mức thực hiện năm trước.

2. Căn cứ xét thưởng cho từng địa phương là tổng các khoản thu phân chia trên địa bàn địa phương, không tính riêng từng khoản thu.

3. Việc sử dụng tiền thưởng vượt thu ở cấp nào do Ủy ban nhân dân cấp đó báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.”

10. Đổi tên Điều 18 thành Điều 11 và sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 11. Các khoản thu cố định, gồm:

1. Các khoản thu ngân sách thành phố hưởng 100%.

2. Các khoản thu ngân sách xã, phường, thị trấn hưởng 100%.”

11. Bãi bỏ Điều 20, đổi tên Điều 19 thành Điều 12 và sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 12. Các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách:

Stt	Nội dung	Ngân sách Trung ương (%)	Ngân sách thành phố (%)	Ngân sách cấp xã
1	Thuế giá trị gia tăng (không kể thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) của các doanh nghiệp nhà nước Trung ương và địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn; các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức, cá nhân (<u>không kể các khoản phân chia ngân sách cấp xã tại Điều 6</u>); các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí	24	76	

2	Thuế thu nhập doanh nghiệp (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) của các doanh nghiệp nhà nước Trung ương và địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn; các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức, cá nhân (<u>không kể các khoản phân chia ngân sách cấp xã tại Điều 6</u>); các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí	24	76	
3	Thuế thu nhập cá nhân	24	76	
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa nhập khẩu, bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước)	24	76	
5	Thuế bảo vệ môi trường (không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu)	24	76	
6	Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước của các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân, hộ sản xuất kinh doanh: Tổ chức thu trên địa bàn cấp xã theo phân cấp tại Điều 6 Quy định này:			
	Phường Hồng An	24	50	26
	Phường Hồng Bàng	24	66	10
	Các phường: Ngô Quyền, Gia Viên	24	66	10
	Các phường: Hải An, Đông Hải	24	66	10
	Các phường: Lê Chân, An Biên, Kiến An, Phù Liễn, Dương Kinh, Hưng Đạo, Đồ Sơn, Nam Đồ Sơn	24	66	10
	Các phường: An Dương, An Hải, An Phong	24	50	26
	Các phường: Thủy Nguyên, Việt Khê, Thiên Hương, Hòa Bình, Nam Triệu, Bạch Đằng, Lữ Kiếm, Lê Ích Mộc	24	8	68
	Các xã: Kiến Thụy, Kiến Minh, Kiến Hải, Kiến Hưng, Nghi Dương, Tiên Lãng, Quyết Thắng, Tân Minh, Tiên Minh, Chấn Hưng, Hùng Thắng, An Lão, An Hưng, An Khánh, An Quang, An Trường, Vĩnh Bảo, Nguyễn Bình Khiêm, Vĩnh Am, Vĩnh Hải, Vĩnh Hòa, Vĩnh Thịnh, Vĩnh Thuận; Đặc khu Cát Hải	24	56	20

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức và chỉ đạo các cấp, các ngành, các đơn vị và các địa phương triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, Đại biểu Hội đồng nhân

dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Việc áp dụng quy định tại Nghị quyết này đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định tại Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với các nội dung liên quan.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân thành phố khoá XVI, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban TVQH, Chính phủ;
- VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác Đại biểu (UBTVQH);
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế (Bộ TC);
- Cục KTVBQPPL (Bộ TP);
- TT TU, TT HĐND TP, UBND TP;
- Đoàn Đại biểu QH TP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Đại biểu HĐND TP khoá XVI;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND TP, UBND TP;
- Các Quận ủy, Huyện ủy;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện;
- CVP, các PCVP Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Công báo HP, Cổng TTĐT TP (để đăng);
- Báo HP, Đài PTTH HP;
- Các CV VP Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Lập